

Cảm nhận về bài thơ Tự tình 2 là một trong những đề [văn mẫu 11](#) hay và thường gặp hiện nay khi làm bài văn mẫu [Tự tình 2](#). Ở bài viết này, Đọc tài liệu xin được tổng hợp và gửi tới các em mẫu dàn ý chi tiết và một số bài làm tham khảo.

I. Dàn ý cảm nhận về bài thơ Tự tình 2

1. Mở bài cảm nhận Tự tình

- Giới thiệu về bài thơ “*Tự tình*” của Hồ Xuân Hương: “Bà chúa thơ Nôm” có chùm thơ “*Tự tình*” bao gồm ba bài, là tiếng nói của thân phận, là những khát khao, đau buồn của kiếp người. Trong đó, bài thơ “*Tự tình II*” đã thể hiện rõ tâm trạng, thái độ của nữ sĩ: vừa buồn đau, vừa phần uất trước nghịch cảnh éo le cùng khát vọng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch.

>>> Xem thêm [dàn ý phân tích bài thơ Tự tình 2](#) của Hồ Xuân Hương

2. Thân bài cảm nhận bài thơ Tự tình 2

- Bốn câu thơ mở đầu bài thơ đã cho thấy hoàn cảnh và tâm trạng của nữ sĩ

+ Hoàn cảnh:

- Thời gian nghệ thuật: đêm khuya.
- Tiếng trống canh giữa đêm khuya cho thấy cảm nhận về bước đi dồn dập của thời gian.

+ Tâm trạng buồn tủi của nữ sĩ:

- Những từ ngữ giàu giá trị biểu cảm đã được sử dụng để thể hiện tâm trạng: “Trơ” được đặt đầu câu kết hợp với biện pháp đảo nhấn mạnh cảm giác tủi hổ, chai lì. Hai chữ “hồng nhan” lại đi với từ “cái” gợi lên ý thức về sự rẻ rúng, mỉa mai của thân phận.
- “Vàng trắng bóng xé” (trắng sắp tàn) mà vẫn “khuyết chưa tròn” trở thành hình ảnh ẩn dụ, nhấn mạnh hai lần bi kịch của cuộc đời nữ sĩ: tuổi xuân trôi qua mà nhân duyên vẫn không trọn vẹn.

– Ý thức sâu sắc về bi kịch tình duyên, tác giả không chỉ cảm thấy bẽ bàng, tủi hổ mà còn phần uất

+ Bức tranh thiên nhiên hiện lên với những nét chấm phá về rêu và đá hiên ngang tồn tại đầy mạnh mẽ: : “xiên ngang mặt đất”, “đâm toạc chân mây”.

+ Biện pháp đảo ngữ đưa những động từ mạnh lên đầu câu:

- Làm nổi bật sức sống mãnh liệt của cỏ cây.
- Ẩn dụ cho tâm trạng phần uất muốn vượt lên trên nghịch cảnh éo le của tác giả.

- Cảm thức về thời gian, tâm trạng chán chường, buồn tủi.

+ “Ngán” mang sắc thái chỉ sự chán ngán, ngán ngẩm.

+ Từ “xuân” được điệp lại hai lần mang những sắc thái ngữ nghĩa khác nhau: vừa chỉ mùa xuân, vừa chỉ tuổi xuân.

+ Hai từ “lại” trong cụm từ “xuân đi xuân lại lại” cũng được sử dụng với hai sắc thái ý nghĩa khác nhau: từ “lại” thứ nhất là thêm một lần nữa, trong khi đó, từ “lại” thứ hai có nghĩa là quay trở lại, gọi lên sự tuần hoàn, lặp lại.

3. Kết bài cảm nhận Tự tình 2

- Khái quát giá trị của bài thơ, “*Tự tình II*” đã thể hiện một cách sâu sắc, mãnh liệt khát vọng sống, khát vọng tự do và khát vọng hạnh phúc của tâm hồn một người phụ nữ vừa dịu dàng, đằm thắm vừa mạnh mẽ. Tất cả đã được thể hiện thông qua tài năng trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ và xây dựng hình tượng của “Bà Chúa thơ Nôm”.

Để có thể hình dung cụ thể hơn cách làm của đề bài này, các em hãy tham khảo những bài văn mẫu hay cảm nhận về bài thơ Tự tình 2 được Đọc tài liệu tổng hợp dưới đây.

>> *Tham khảo thêm: [Bình giảng bài thơ Tự tình 2](#) của Hồ Xuân Hương*

Bài văn cảm nhận về bài thơ Tự tình 2 ngắn gọn

Hồ Xuân Hương là một nhà thơ nữ nổi tiếng trong lịch sử văn học dân tộc. Đối với người Việt Nam, tên tuổi của Hồ Xuân Hương quen thuộc không kém bất cứ một nhà thơ nào. Bà là “Chúa thơ Nôm” là con của Hồ Phi Diễn (1706-1783), quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và một người thiếp quê ở Hải Dương”. Là một phụ nữ tài hoa có cá tính mạnh mẽ nhưng đời tư lại có nhiều bất hạnh. Hồ Xuân Hương lấy chồng muộn mà đến hai lần đi lấy chồng, hai lần đều làm lẽ, cả hai đều ngăn ngui và không có hạnh phúc. Hồ Xuân Hương là nhà thơ Nôm nổi tiếng. Bà đã để lại nhiều bài thơ độc đáo với phong cách thơ vừa thanh vừa tục. Hồ Xuân Hương được coi là một trong những nhà thơ tiêu biểu của văn học Việt Nam, “là nhà thơ độc đáo có một không hai trong lịch sử văn học dân tộc”.

“*Tự tình*” là bài thơ thể hiện nỗi buồn và tâm sự của nhà thơ về số phận lẻ loi của mình và niềm khát khao được hạnh phúc, được quân tử yêu thương.

Mở đầu bài thơ là không khí đêm khuya thanh vắng:

"Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non"

Không gian được mở ra giữa đêm khuya, thao thức, nghe tiếng trống dồn dập sang canh. Không gian cô quạnh, không có bóng người, gọi cho người ta cảm thấy ớn lạnh. Nhà thơ nhận thấy sự cô đơn đang bủa vây lấy con người mình, thấy mình cô độc giữa cuộc đời, cảm giác mình nhỏ bé đến lạ giữa đêm tối lại càng gợi sự cô quạnh và trống vắng, không tìm thấy ánh

sáng. Nghe những câu thơ mà thấm thía, tôi cho một người phụ nữ lẻ bóng mong được tình yêu đích thực.

Tâm trạng bi đát, mượn rượu giải sầu:

"Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn"

Nhà thơ nói lên tâm trạng và nỗi lòng của mình. Rất buồn, ngồi uống uống chén rượu để quên đi hiện tại, để quên đi sự cô đơn bủa vây nhưng càng uống càng tỉnh, tỉnh lại càng buồn hơn. Mượn rượu giải sầu, ai ngờ càng sầu hơn, lại càng gò bó mình hơn trong không gian cô quạnh. Nhìn trăng thấy trăng đã xế bóng mà lại chưa tròn. Vàng trăng như là thân phận của nhà thơ, "Khuyết chưa tròn": Chưa tuyệt vọng vẫn còn ấp ủ niềm hi vọng. Không biết đến khi nào vàng trăng ấy mới tròn và nhà thơ mới được cảm nhận hạnh phúc của bản thân.

"Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn"

Nhà thơ không say, nhìn cảnh vật ở những nơi khác nhau, mở rộng tầm nhìn: những đám rêu trên mặt đất, mấy hòn đá phía chân trời. Những hình ảnh rất là ước lệ. Nhìn từ gần sát mình đến xa tí tấp tận chân trời. "Rêu" là loài mỏng manh nhỏ bé, nhưng lại có sức sống vô cùng mạnh mẽ, dù ở điều kiện nào nó vẫn phát triển rất là tốt. Cái nhìn khoẻ khoắn, có một sự phản kháng, sự vươn lên để khẳng định chỗ đứng của mình.

"Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con."

Từ thiên nhiên xung quanh, nhìn lại bản thân mình, cảm thấy ngán nỗi, buồn cho mình, nghịch lí. Nhà thơ cảm thấy ngán ngẫm cho những quy luật của tạo hóa, xuân đi qua, rồi xuân lại đến. Thời gian cứ trôi qua xuân đi xuân lại lại, một sự tuần hoàn liên tục nghe mà ngán ngẫm cho duyên phận của mình. Tuổi xuân trôi qua mà lại không có tình duyên trọn vẹn. Mảnh tình của mình qua bao ngày ngóng đợi, thì lại phải san sẻ, không được trọn vẹn. Một nỗi buồn chán và thất vọng lại bao phủ. Ý cũng muốn nói đến những người thê thiếp đâu được hưởng niềm hạnh phúc mong ước, mà phải san sẻ cho bao nhiêu người. Thê thiếp thì đâu có tiếng nói, đâu có quyền sắp đặt mọi chuyện.

Đây là một bài thơ vô cùng hay và ý nghĩa. Một bài thơ chứa đựng nỗi buồn và niềm khát khao chân thành. Trong nền thơ trung đại, lần đầu tiên mới có một người phụ nữ dám nói lên điều ấy.

Xem thêm: [Hướng dẫn soạn bài Tự Tình 2](#) ngắn gọn nhất

III. Top 3 bài văn hay cảm nhận về bài thơ Tự tình 2 (Hồ Xuân Hương)

Dưới đây là một số bài văn hay **cảm nhận về bài thơ Tự tình 2** mà Đọc tài liệu đã tổng hợp được dành cho các em tham khảo để nắm vững cách trình bày cũng như mở rộng thêm vốn từ ngữ khi viết bài.

Cảm nhận về bài thơ Tự tình 2 - Mẫu số 1

Ni-cu-lin, một người Nga, nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam, đã phát hiện nền văn học dân gian Việt Nam thời trung cổ không được thừa nhận vào lĩnh vực thơ ca cao cấp".

Thực ra, lịch sử văn học trung đại Việt Nam vẫn có quy luật này: hai bộ phận văn học dân gian và văn học viết tồn tại và phát triển song song trong suốt trường kì lịch sử vẫn luôn luôn có tác động qua lại. Khi những tinh hoa của hai bộ phận này kết tụ lại ở những cá tính sáng tạo nào đó, trong những điều kiện lịch sử nhất định, thì đất nước lại được thấy sự xuất hiện của những thiên tài văn học với những áng thơ văn bất hủ. Ấy là những trường hợp Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...

Tuy nhiên, ở Hồ Xuân Hương, quy luật này vẫn có một khía cạnh đặc biệt khác thường. Đây là trường hợp tư tưởng dân gian lẫn át hẳn tư tưởng chính thống mà các tác giả Nho học, dù là Nguyễn Trãi, Nguyễn Du cũng không hoàn toàn dứt bỏ được. Một tinh thần nổi loạn quyết liệt muốn san bằng mọi đẳng cấp trong xã hội, một khát vọng được sống, được hưởng hạnh phúc đúng với nghĩa thiết thực nhất, người nhất, trần tục nhất, chống lại mọi ràng buộc của lễ giáo phong kiến và tất cả những gì trái với tự nhiên – một thứ tư tưởng đặc biệt đề cao người phụ nữ là hạng người bị khinh rẻ nhất trong xã hội phong kiến – và lấy quy luật Tạo hóa làm chuẩn, đề cao sự sống tự nhiên như trời đất giao hoà, âm dương giao phối.

Một thứ tư tưởng đi thẳng từ tục lệ thờ cúng sinh thực khí, từ những lễ hội nam nữ giao phối tượng trưng còn tồn tại mãi sau này ở nhiều làng xã Việt Nam, từ những bức tranh Đông Hồ như *Hứng dừa*, *Đánh ghen* hay những bức khắc gỗ *Các cô gái tắm ao* vẫn còn đó ở đình Thổ Tang, Vĩnh Phúc, từ những truyện tiếu lâm, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn hay những câu ca dao hết sức táo tợn:

- *Không chồng mà chữa mới ngoan,*

Có chồng mà chữa thế gian đã nhiều.

- *Có chồng càng dễ chơi ngang,*

Đẻ ra con thiếp con chàng con ai.

- *Lẳng lơ cũng chẳng có môn,*

Chính chuyên cũng chẳng son son để thờ.

Tư tưởng ấy đem đến cho Hồ Xuân Hương một nhãn quan riêng về thế giới: nhìn đâu cũng thấy Tạo hoá sinh sôi, âm dương giao phối, một thế giới trẻ trung, sống động, tốt tươi phồn thực, phơi phới xuân tình, đầy tràn sắc dục,...

Một tư tưởng như thế tấn công mạnh mẽ và chiếm lĩnh được nội dung chủ đạo của văn chương bác học, chỉ có thể xuất hiện ở thời đại mà chế độ phong kiến khủng hoảng sâu sắc, thời đại quật khởi của nhân dân. Ấy là thời đại từ Nam chí Bắc, nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tiếp dẫn tới đỉnh cao là phong trào Tây Sơn lật đổ vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, dẹp tan chúa Nguyễn ở Đàng Trong, rước thẳng lên ngôi vua một anh hùng nông dân. Ông "vua áo vải" này với khí thế của quần chúng như triều dâng thác đổ, đã chớp nhoáng tiêu diệt quân Xiêm phía Nam và đánh tan hàng vạn quân Thanh phía Bắc.

Phải coi thơ Xuân Hương như tiếng dội trực tiếp của khí thế ấy mới hiểu được tinh thần táo tợn rất bình dân ở người đàn bà trí thức này. Tất nhiên Hồ Xuân Hương không phải là một hiện tượng đơn độc mà nằm trong cả một trào lưu văn học đầy tinh thần nhân văn chủ nghĩa cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX. Nhưng phải nói ở nhà thơ này, sự "xâm lăng" của tinh thần dân gian vào văn học viết vẫn mãnh liệt hơn cả. Nếu ta nhớ rằng, đến mãi đầu thế kỉ XX, những nhà nho cấp tiến như Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng vẫn còn coi *Truyện Kiều* là dân thư, cô Kiều là con đĩ, thì có thể mừng rỡ được, vào thế kỉ XVIII, dư luận của giới nho sĩ đã phản ứng dữ dội như thế nào trước những vần thơ đi trước thời đại của Hồ Xuân Hương.

Nhưng khát vọng giải phóng nhân dân, giải phóng người phụ nữ của Xuân Hương làm sao có thể thực hiện được trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Đến ngay như Vương triều Tây Sơn cuối cùng cũng rơi vào khủng hoảng để cho Nguyễn Ánh trở lại khôi phục được nền chuyên chế nặng nề. Cho nên khuôn khổ của chế độ phong kiến trở nên quá chật hẹp đối với sức sống và tư tưởng ngang tàng của Xuân Hương; nhưng ngược lại, dù chống phá mạnh mẽ, sôi sục thế nào, Xuân Hương cuối cùng cũng không thoát ra khỏi được khuôn phép của chế độ ấy.

Có thể nói, Xuân Hương là nổi bức bối, là sự ám ảch của lịch sử Việt Nam cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX, muốn tìm một lối thoát mà chưa tìm được. Tấn bi kịch lịch sử này ngẫu nhiên lại gặp gỡ tấn bi kịch cá nhân của người đàn bà họ Hồ, một kì nữ tài ba với sự thức tỉnh mạnh mẽ về ý thức cá nhân, về quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của người phụ nữ, vậy mà cuộc đời lại phải chịu nhiều bất hạnh: một lần làm lẽ, hai lần góa chồng!

Cái bức bối, cái ám ảch vừa có tính cá nhân vừa có tính lịch sử đó đã tạo nên một nội dung riêng và một chất giọng riêng của thơ Hồ Xuân Hương. Hồ Xuân Hương sáng tác một loạt ba bài *Tự tình* (Kể nỗi lòng), người ta đánh số I, II, III.

Căn cứ vào ý thơ, giọng thơ, giới nghiên cứu đề rằng, ba bài *Tự tình* đều làm khi nhà thơ tuổi đời đã xế và, vì thế đã từng phải nếm vị chua chát, nỗi chán chường của phận lẽ mọn và cảnh góa bụa. Nghĩ lại những ngày qua, người thiếu phụ – thi sĩ "Giật mình mình lại thương mình xót xa". Nhưng khác với Thuý Kiều, cái tôi Xuân Hương, dù bế tắc vẫn không hoàn toàn khuất phục, dù bất lực vẫn không chịu buông xuôi.

Bài thứ nhất (*Tự tình I*) lấy cảm hứng vào lúc đã có tiếng gà báo sáng ("Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom"); bài thứ hai (*Tự tình II*) lấy cảm hứng vào lúc đêm đã về khuya ("Đêm khuya

văng vẳng trống canh dồn"). Đó là thời khắc của hạnh phúc lứa đôi, của sum họp vợ chồng, vì thế cũng là thời khắc người vợ lẽ hay người goá phụ cảm nhận được đầy đủ nhất, sâu sắc nhất, thấm thía nhất, cảnh cô đơn, nỗi bất hạnh của thân phận mình:

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Đêm đã khuya mà nhà thơ vẫn tỉnh thức – vì không ngủ được hay không muốn ngủ? – ngồi lắng nghe tiếng trống cầm canh nơi một đồn ải nào vắng lại, nhắc nhở một cách quái ác thời gian dường như cứ dồn đuổi nhau trôi đi, trôi đi một cách uổng phí và vô nghĩa lí trên thân phận trở trêu của người đàn bà vẫn khao khát hạnh phúc mà phải chịu cảnh chẵn đơn, gổi chiếc,...

Tro cái hồng nhan với nước non.

Chữ nghĩa của Xuân Hương bao giờ cũng trần trụi đến tàn nhẫn như thế.

Khi nhà thơ dùng đến hai chữ "hồng nhan" thì có nghĩa là ở người thiếu phụ, xuân sắc vẫn còn, xuân tình chưa cạn, vậy mà cứ phải "tro" ra đó, không kẻ đoái hoài. Có người hiểu chữ "tro" theo nghĩa tro li, không còn cảm giác: "Đau thương, ê chề ngấm sâu dần, sâu dần vào xương cốt, biến con người thành vật vô tri". Đây là cách hiểu chữ tro trong thơ Bà Huyện Thanh Quan: "Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt". Tôi cho rằng, hiểu thơ như thế là trái ngược với tư tưởng tác giả trong *Tự tình (bài II)* này. Người đàn bà này, đúng là đã nếm trải nhiều bất hạnh, nhưng tâm hồn vẫn luôn luôn cháy bỏng, luôn luôn sôi sục, một tâm trạng bồn chồn không yên, thể hiện ở hai câu thực:

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

Uống rượu để quên đời, nhưng không quên được: "say lại tỉnh", khao khát sự thoả mãn mà nó ra ngoài trời, chỉ thấy đêm tàn trăng khuyết.

Nhưng đây mới thực là tính cách và ngôn ngữ Xuân Hương:

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

Thế giới hình tượng của thơ Xuân Hương bao giờ cũng hoạt động mạnh mẽ và huyền ảo như thế. Đó là không gian, thời gian trần tục, trần thế nên luôn luôn vận động, sôi sục, đối lập với không khí tĩnh lặng, phi thời gian của cổ thi ("*Mồ thảm không khua mà cũng cóc - Chuông sầu chẳng đánh có sao om?*"; "*Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc - Đâm đĩa lá liễu giọt sương gieo*"; "*Gió giật sườn non khua lác cắc - Sóng dồn mặt nước vỗ long bong*",... Ngay cả màu sắc trong thơ Xuân Hương nhiều khi cũng như muốn gào lên, muốn hét lên: "*Cửa son đỏ loét tùm hum nóc - Hòn đá xanh rì lún phún rêu*"; "*Một trái trăng thu chín mồm mòm - Nảy vừng quế đỏ, đỏ lòm lom*",...).

Tuy nhiên, âm thanh hay màu sắc, dù sao tự nó cũng phát ra tiếng động hoặc hiện thành xanh, vàng, trắng, đỏ,... Nhà thơ chỉ cần phóng đại thật to, tô cho thật đậm để trở thành âm thanh, màu sắc độc đáo của Xuân Hương. Nhưng dưới ngòi bút của nữ sĩ họ Hồ, ngay cả những vật hoàn toàn tĩnh lại, hoàn toàn bất động cũng đột nhiên trở thành những sinh vật biết cựa quậy, biết vùng vẫy, biết phá phách: "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám – Đâm toạc chân mây đá mấy hòn". Thủ pháp đảo ngữ được sử dụng ở đây càng nhấn mạnh tính hoạt động mạnh mẽ, dữ dội của thế giới nghệ thuật Hồ Xuân Hương.

Vậy là cái tôi đầy sức sống mà bị dồn nén của Xuân Hương từ những câu đề, qua hai câu thực, đến những câu luận, cứ nổi lên dần: lúc đầu là nỗi chán chường, ngán ngẩm "Trơ cái hồng nhan với nước non", tiếp đó là tâm trạng bức dọc, bồn chồn, muốn say mà không say được, trong khi đêm thì tàn mà trăng vẫn khuyết: "Chén rượu hương đưa say lại tỉnh – Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn". Cuối cùng là nỗi bức bối, niềm phẫn uất muốn vùng lên phá phách. Khát vọng sống của con người này, yêu cầu thực hiện triệt để tính cách, cá tính của người đàn bà đặc biệt này, chẳng những chế độ phong kiến không dung nổi, mà đến trời đất cũng trở nên chật hẹp.

Không phải ngẫu nhiên mà Xuân Hương thường đặt nhân vật của mình đối diện với thiên nhiên rộng lớn, kê vai với vũ trụ mênh mông ("Thân em vừa trắng lại vừa tròn – Bảy nổi ba chìm với nước non"; "Gan nghĩa giải ra cùng nhật nguyệt – Khôi tình cộ mãi với non sông"; "Văng vẳng bên tai tiếng khóc chồng - Nín đi kéo thẹn với non sông"; "Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn – Trơ cái hồng nhan với nước non",... Ấy là một con người có kích cỡ đặc biệt, không phải chỉ của bản thân mình hay của một gia đình, một làng, một xã, mà còn là của nhân dân, của đất nước, của Tạo hoá, của vũ trụ. Có nghĩ như vậy, ta mới hiểu được vì sao Xuân Hương có thể tự đặt mình từ thế đứng rất cao với thái độ và giọng điệu hết sức kẻ cả khi đối thoại với đời, dù đó là những bậc hiền nhân quân tử, là Thái thú Sầm Nghi Đống, là những đảng anh hùng ("Mặt anh hùng khi tắt gió") thậm chí là vua, là chúa ("Chúa dẫu, vua yêu một cái này" – Vịnh cái quạt).

Nhưng Xuân Hương, dù tư tưởng có thể đi trước thời đại, nhưng trong đời thực vẫn không thể vượt khỏi thân phận của mình. Vì thế, những hành vi phá phách, nổi loạn dù táo tợn thế nào cũng chỉ là những vùng vẫy trong giới hạn của ngôn từ mà thôi. Nhà thơ đành chấp nhận số phận của mình bằng một tiếng thở dài ngao ngán:

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mánh tình san sẻ tí con con!

Nhưng Xuân Hương đích thực là nhà thơ của mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu của sự sống tươi rờng, của tinh thần lạc quan, yêu đời. Đó cũng chính là chất dân gian đậm đặc của hồn thơ này. Đọc thơ Xuân Hương, thấy có đủ cả buồn khổ, đắng cay, chán chường, căm uất, đủ cả oán thù, phẫn nộ, thậm chí muốn tung hết tất cả, phá phách tất cả..., nhưng không bao giờ mất hết niềm tin ở cuộc đời, ở sự sống. Điều ấy có thể cảm nhận rất rõ ở thế giới nghệ thuật hết sức sống động của nữ sĩ, một thế giới không bao giờ hoàn toàn vắng lặng: nếu không có tiếng chuông chùa văng vẳng, tiếng mõ, tiếng trống cầm canh thì cũng có tiếng "gà gáy trên bom", tiếng "sóng dồn mặt nước", tiếng "gió giật sườn non", hay "cành thông gió thốc",...

Và nếu lắng nghe còn thấy "Rúc rích thây cha con chuột nhắt – Vo ve mặc mẹ cái ong bầu",... Một thế giới hình tượng sống động, luôn cựa quậy, luôn hoạt động: "Cỏ gà lún phún leo quanh mép – Cá giếc le te lách giữa dòng"; "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám – Đâm toạc chân mây đá mấy hòn"; "Gan nghĩa dải ra cùng nhật nguyệt – Khói tình cọ mãi với non sông",... Một thế giới đầy màu sắc trẻ trung, hồng hào, tươi tốt, chan chứa xuân sắc, xuân tình,... Tất cả đều được phát hiện và đánh giá theo một quan điểm mỹ học độc đáo của Xuân Hương: lấy vẻ đẹp thanh tân, khoẻ khoắn, phồn thực, tự nhiên của cơ thể người đàn bà giữa tuổi xuân làm chuẩn. Trong thế giới nghệ thuật ấy, tiếng khóc không hẳn là lời tuyệt vọng và cái chết không hề muốn ngăn đường sự sống (Khóc ông phủ Vĩnh Tường, Khóc Tổng Cóc,...).

Đúng là *Tự tình (bài II)* đã kết thúc bằng một lời chua chát: "Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại – Mảnh tình san sẻ tí con con". Nhưng như thế là tuổi xuân chưa hết, tình xuân vẫn đầy.

Xưa thường có câu: "Chữ rằng, xuân bất tái lai". Nhưng Xuân Hương lại nói "xuân đi xuân lại lại", có nghĩa là người đàn bà vẫn còn có cái để chờ đợi, để ước ao, tuy rằng hạnh phúc mong đợi ấy chưa bao giờ được hưởng trọn vẹn: "Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn".

Có một vấn đề rất nên đặt ra đối với thơ Hồ Xuân Hương nói chung: Vì sao tư tưởng dân gian gần như thuần chủng, nguyên chất ở Xuân Hương lại không được diễn đạt bằng các thể thơ dân gian như lục bát, song thất lục bát mà lại tự ép mình vào khuôn khổ thơ Đường, một thể thơ bác học ngoại nhập, luật lệ rất nghiêm minh? Lại một nét oái oăm, độc đáo của thơ Xuân Hương chăng? Nhưng ngẫm ra, thấy sự chọn lựa của nữ sĩ rất có lí, có thể nói là rất tự nhiên nữa.

Song thất lục bát là thể ngâm, hợp với lời trữ tình than thở. Lục bát thì mạnh về khả năng tự sự và thiên về diễn tả tình cảm thiết tha. Nhưng thơ Xuân Hương không chỉ có tình cảm mà còn có trí tuệ, có tư tưởng, đồng thời có nhu cầu tạo tính đa nghĩa trên mỗi dòng thơ, từ mỗi hình ảnh, mỗi ngôn từ: nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn, nghĩa trần trụi, nghĩa ỡm ờ, nghĩa từ vựng, nghĩa xã hội – tâm lí, nghĩa thanh, nghĩa tục, v.v.

Muốn đạt được những yêu cầu ấy, Xuân Hương rất cần đến khả năng của thất ngôn bát cú, của cấu trúc chặt chẽ, của luật đối ngẫu và của tính hàm súc với khả năng dồn nén nhiều nghĩa và tạo ý ngoài lời (ý tại ngôn ngoại).

Nhưng Xuân Hương, một mặt khai thác khả năng của thơ Đường, mặt khác lại cố tình xoá sạch, khước từ điển tích, điển cố, lối diễn đạt ước lệ cách điệu hoá, sự sử dụng màu sắc tao nhã, trù tượng, thay vào đây là sự khai thác triệt để những ngôn từ thuần Việt và các thủ pháp nghệ thuật dân gian, đặc biệt là nghệ thuật trào phúng, hồn nhiên và táo tợn của ca dao, dân ca, của truyện tiếu lâm, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn,... Và trên cái văn bản Việt hoá và dân gian hoá đó, bao giờ cũng hằn lên cái dấu triện "Xuân Hương hoá" đầy cá tính độc đáo và mãnh liệt của "thiên tài kì nữ" họ Hồ.

Mẫu số 2: Bài văn đạt điểm 9+

Dưới đây là một bài văn xuất sắc đạt 9+ với yêu cầu cảm nhận về bài thơ Tự tình 2, cùng Đọc và tham khảo:

Thơ là thư kí của trái tim, là nơi dừng chân của tâm hồn thi sĩ. Nó phản ánh cuộc sống của con người, xã hội, để qua đó người nghệ sĩ bộc bạch nỗi lòng mình. Hay nói cách khác, mỗi bài thơ chính là tiếng hát của trái tim, được thể hiện như một hình thức nghệ thuật cao quý, tinh vi. Trong những nhà thơ tiêu biểu như Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Xuân Diệu... Hồ Xuân Hương nổi lên như một hiện tượng văn học độc đáo. Được mệnh danh là “bà chúa thơ Nôm”, Xuân Hương đem “tiếng lòng” của mình và những người phụ nữ xã hội xưa vào thi ca. Bà có cuộc đời và tình duyên éo le, trắc trở nên đã mượn ngòi bút để cất lên tiếng nói thương cảm cho thân phận người phụ nữ. Hồ Xuân Hương đã để lại cho văn học Việt Nam nhiều bài thơ giá trị như “Bánh trôi nước”, “Mời trầu”... Tiêu biểu trong đó là “Tự tình II”. Bài thơ đã bộc lộ tâm trạng vừa buồn tủi vừa phần uất trước duyên phận éo le và khát vọng hạnh phúc trong tâm hồn nhà thơ.

*“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mối tình san sẻ tí con con.”*

“**Tự tình II**” nằm trong chùm thơ Tự tình gồm 3 bài. Bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, nhưng cái đặc sắc ở đây là tác giả không viết bằng chữ Hán mà là chữ Nôm. Bà đã “Việt hóa” thể thơ của người Hoa để bộc lộ suy nghĩ người Việt, tâm hồn người Việt. Đúng như giáo sư Lê Trí Viễn từng nói: “Dưới ngòi bút của Hồ Xuân Hương, Đường luật mất hẳn cốt cách quý tộc mà ngoan ngoãn cung hiến vần điệu cân xứng của mình cho và sử dụng theo ý muốn”. Nhan đề “*Tự tình*” của bài thơ là tự bộc lộ, giải bày tâm trạng, tình cảm của mình, hay nói cách khác, đây chính là sự hé mở nỗi lòng khó nói của tác giả.

Hai câu đề đã mở ra thời gian và không gian nghệ thuật rất đặc biệt:

*“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.”*

Đêm đã về khuya, là khi tác giả đang thao thức trong nỗi cô đơn, đợi chờ. Tính từ “văng vẳng” đã được nữ sĩ sử dụng rất tự nhiên, tinh tế, khiến ta cùng lúc nhận ra không gian vừa mênh mông vừa vắng lặng lúc nửa đêm. Ở đây, Xuân Hương đã khéo léo sử dụng bút pháp nghệ thuật quen thuộc của thi pháp cổ điển là lấy động tả tĩnh. “Trống canh dồn”, tiếng trống canh thôi thúc, gấp

gáp, liên hồi thể hiện bước đi dồn dập của thời gian. Tiếng trống của tâm trạng - tâm trạng rối bời vì thời gian trôi qua nhanh có nghĩa là tuổi xuân của nhà thơ cũng qua mau.

Cách cảm nhận bước đi của thời gian qua tiếng trống điểm canh là cách cảm nhận rất đời Á Đông. Đó là thời gian tâm lí thắm đậm chất trữ tình. Đêm khuya là lúc vạn vật chìm trong giấc ngủ, đó lại cũng là lúc lòng người sâu lắng nhất, là lúc con người đối diện với chính bản thân mình. Mở đầu bài thơ, ta đã cảm nhận được cái buồn man mác len lỏi trong từng câu chữ được gợi ra từ sự tĩnh lặng của đêm khuya. Tiếng trống vắng vắng không quá gần mà lại nghe thấy cái nhịp “dồn” vội vàng, gấp gáp... Bởi, đó là tiếng trống gợi sự bước đi của thời gian, gợi sự tàn phá và nó được nghe bằng tâm trạng của người phụ nữ mang tâm thức cô đơn, ám ảnh trước thời gian.

Không gian và thời gian đã được mở ra như thế, rất tài tình và tinh tế. Nhà thơ đã cảm nhận sự bề bồng của duyên phận qua câu thơ “Trơ cái hồng nhan với nước non”. Từ “trơ” được đảo lên đầu câu gây ấn tượng mạnh mẽ. “Trơ” là tủi hổ, là bề bồng. Thêm vào đó là hai từ “hồng nhan” là để chỉ sắc đẹp của người con gái, mà lại đi với từ “cái” thì thật rẻ rúng, mỉa mai. Cái hồng nhan “trơ” ra với nước non, với không gian, thời gian. Câu thơ đã gợi lên sự hồng nhan bạc phận. Vì vậy, nỗi xót xa càng thấm thía, đau xót.

Nhịp điệu 1/3/3 cũng là để nhấn mạnh sự bề bồng. Trong văn cảnh này, chữ “trơ” không chỉ là tủi hổ, bề bồng mà còn là thách thức. “Từ “trơ” kết hợp với nước non thể hiện sự bèn gan, thách đố. Như vậy ở đây ta thấy được bên cạnh nỗi đau Xuân Hương là bản lĩnh Xuân Hương.

“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn.”

Ở hai câu đề, nữ thi sĩ đã tái hiện cho chúng ta thấy một không gian vắng lặng lúc đêm khuya. Trong thời khắc ấy, khi chủ thể trữ tình vẫn còn thao thức chưa ngủ ắt hẳn có điều gì trăn trở. Như thách thức số phận, nhà thơ mượn rượu để quên đi nỗi sầu. Cụm từ “say lại tỉnh” như là một vòng luẩn quẩn lặp đi lặp lại, tình duyên như trở thành trò đùa, càng say lại càng tỉnh, càng cảm nhận nỗi đau thân phận. Mong muốn chút niềm an ủi từ thiên nhiên, cảnh vật, tác giả dùng câu thơ tả cảnh ngụ tình. Câu thơ là ngoại cảnh mà cũng là tâm cảnh, tạo nên sự đồng nhất giữa ánh trăng và con người.

Cảnh tình của Xuân Hương được thể hiện qua hình ảnh thơ chứa đựng sự éo le: Trăng sắp tàn mà vẫn “khuyết chưa tròn”. Tuổi xuân đã trôi qua mà tình duyên còn chưa trọn vẹn. Hương rượu để lại vị đắng chát, hương tình thoảng qua để chỉ còn “phận hẩm duyên ôi”. Sự đối lập giữa “say” - “tỉnh”, “khuyết” - “tròn” đã gợi lên cho người đọc cảm giác chông chênh, không xác định được ranh giới giữa không và có, say và tỉnh. Cặp từ trái nghĩa đã giúp ta nhận ra được điều đó giữa hi vọng mong manh về hạnh phúc và hiện thực phũ phàng.

Từ hình ảnh “vàng trắng” nhà thơ bắt đầu chuyển sang mượn thiên nhiên để miêu tả tâm trạng:

“Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.”

Hai câu thơ tả cảnh được cảm nhận qua tâm trạng cũng như mang theo nỗi niềm phẫn uất của con người. Những sinh vật bé nhỏ như đám rêu kia cũng không chịu mềm yếu, khuất phục mà phải xiên ngang mặt đất trời dậy mạnh mẽ. Đá đã rắn chắc lại phải cứng cáp hơn để “đâm toạc chân mây”. Biện pháp đảo ngữ trong hai câu luận đã làm nổi bật sự phẫn uất của cỏ cây, cũng như sự phẫn uất trong tâm trạng. Không chỉ vậy những động từ mạnh “xiên, đâm” cũng được kết hợp với bổ ngữ “ngang”, “toạc” độc đáo thể hiện sự bướng bỉnh, ngang trái.

Điều đó đã thể hiện một phong cách Xuân Hương, không chỉ phẫn uất mà còn phản kháng, không khuất phục trước số phận đau khổ, muốn vươn lên bằng chính sức sống mãnh liệt của mình. Với tài năng sử dụng từ ngữ, hình ảnh mạnh mẽ, táo bạo, lấy cảnh ngụ tình, hai câu thơ đã gợi lên cảnh vật sinh động, đầy sức sống. Đó cũng chính là tâm hồn đầy sức sống, cõi lòng nhiều khao khát của Xuân Hương.

“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mối tình san sẻ tí con con.”

Đến hai câu kết, Hồ Xuân Hương đã bộc bạch hết nỗi cay đắng của đời người. “Ngán” là ngán ngẩm với nỗi đời éo le, với vòng xoáy của số phận. Từ “xuân” nay mang hai nghĩa, vừa là mùa xuân, vừa là tuổi xuân. Mùa xuân qua đi rồi lại trở lại với thiên nhiên, với muôn nghìn cây cỏ, hoa lá. Nhưng, với con người thì tuổi xuân qua là không bao giờ quay trở lại. Hai từ “lại” trong cụm từ “xuân đi xuân lại lại” cũng mang hai ý nghĩa khác nhau. Từ “lại” thứ nhất nghĩa là thêm lần nữa, từ “lại” thứ hai nghĩa là trở lại. Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân. Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn. “Mảnh tình” đã bé lại phải “san sẻ” thành ra ít ỏi, chỉ còn “tí con con” nên càng xót xa, tội nghiệp. Câu thơ kết thúc trong nỗi xót xa, mìa mai đến tội nghiệp của “cái hồng nhan” trong xã hội phong kiến xưa. Câu thơ là nỗi lòng của người phụ nữ vừa đau buồn vừa thách thức duyên phận, gắng gượng nhưng vẫn rơi vào bi kịch. Vì vậy, ý nghĩa nhân văn của bài thơ càng sâu sắc, thấm thía hơn.

Trái tim Xuân Hương đã thức giấc để đập nhịp cùng những tâm hồn của người phụ nữ. Hồ Xuân Hương đối với văn học là quá khứ, nhưng bài học và những cảm xúc mà bà mang lại cho thế hệ ngày nay vẫn tồn tại, hiện hữu. Đó là bài học về sự vượt qua khó khăn, chiến thắng đau khổ. Cuộc đời nữ sĩ Xuân Hương đã hai lần chồng và đều thất bại, nhưng trong tim bà vẫn giữ nguyên nhịp đập hy vọng về hạnh phúc và tình yêu.

Tự tình II là bài thơ tự than thân, tự bộc lộ, tự bày tỏ nỗi lòng của người phụ nữ lận đận tình duyên nhưng luôn khao khát có được một tình yêu trọn vẹn, xứng đáng với tấm chân tình của mình. Đặc sắc trong bút pháp của nữ sĩ cho thấy tài năng thi ca của tâm hồn, với việc sử dụng nghệ thuật lấy động tả tĩnh, thủ pháp tả cảnh ngụ tình, dùng động từ mạnh kết hợp với đảo ngữ và các từ láy càng làm cho bài thơ trở nên sâu sắc, thấm đẫm cái ý cái tình của người phụ nữ.

Những hình ảnh giản dị với tâm trạng uất ức, xót xa cho số phận hẩm hiu và cũng là bi kịch, khát vọng hạnh phúc của Xuân Hương nói riêng hay chính người phụ nữ phong kiến nói chung.

Bài thơ đã truyền tải ý nghĩa nhân văn sâu sắc: Dù sống trong hoàn cảnh cay nghiệt nhưng con người vẫn cố gắng vươn lên, thay đổi số phận, mong muốn một cuộc sống tốt đẹp hơn. **Tự tình II** mà Hồ Xuân Hương để lại sẽ vẫn có giá trị đến muôn đời. Quả thật, Xuân Hương rất xứng đáng với danh xưng “Bà chúa thơ Nôm” khi đã để lại cho đời những áng văn bất hủ.

(Nguồn: Bảo Hân / Thichvanhoc.com.vn)

Mẫu số 3: Cảm nhận về bài thơ Tự tình 2

Hồ Xuân Hương có một chùm ba bài thơ Tự tình. Đó là chùm thơ Nôm được viết bằng bút pháp trữ tình vừa sâu lắng, vừa mãnh liệt. Mỗi bài Tự tình đều chan chứa nỗi đau thầm kín, nặng nề; bộc lộ cảnh ngộ và thân phận của Hồ Xuân Hương, đồng thời cũng thể hiện nhân cách, bản lĩnh, tài năng trác việt của bà. Mỗi bài trong chùm thơ Tự tình đều là tiếng nói của trái tim, của nỗi lòng nữ sĩ. Chúng ta hãy cùng nhau lắng nghe nỗi lòng của nữ sĩ vọng về từ hao trăm năm trước qua Tự tình II

1. Hai câu đề

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Câu phá đề mở ra thời gian và không gian nghệ thuật rất đặc biệt: đêm đã về khuya, không gian quá mênh mông và vắng lặng. Chính là nhờ tính từ “văng vẳng” được nữ sĩ dùng vừa tự nhiên, vừa rất tinh tế mà ta nhận ra cùng một lúc không gian mênh mông (tiếng trống canh từ xa xoi theo gió “văng” tới, vọng tới; và không gian vắng lặng (bút pháp lấy động tả tĩnh quen thuộc của thi pháp cổ điển). Đã có hai trong tổng số ba bài thơ Tự tình nhà thơ chọn thời gian và không gian nghệ thuật giống nhau đặt ở câu phá đề. Cách cảm nhận bước đi của thời gian qua tiếng trống đêm canh và tiếng gà gáy là cách cảm nhận rất Á Đông. Đó là thời gian tâm lí, thấm đẫm chất trữ tình. Đêm khuya là lúc vạn vật chìm trong giấc ngủ, mọi hoạt động ban ngày dừng lại, đó cũng là lúc tâm tư sâu lắng nhất. Người đang thao thức, suy tư trong đêm khuya lại là một phụ nữ. Đó cũng là điều bất thường. người phụ nữ được đặt trong một không gian mênh mông vắng lặng, giữa đêm hôm khuya khoát chắc là đầy ắp nỗi niềm không biết ngỏ cùng ai, chẳng có ai bên cạnh để mà sẻ chia, thấu hiểu. Nàng hoàn toàn trơ trọi, lẻ loi, cô độc. Thời gian nghệ thuật thể hiện sự tự cảm thấy của con người trong thế giới. Cảm thức thời gian luôn gắn liền với ý thức về “cái tôi”. Ý thức về “cái tôi” càng trưởng thành, càng sâu sắc thì cảm thức về thời gian trôi chảy càng mãnh liệt. Đã đành thời gian khách quan là vô thủy vô chung. Nhưng thời gian chủ quan của một đời người là hữu hạn. Tuổi xuân của người phụ nữ lại càng ngắn ngủi, cho nên thời gian trong cảm thức cá nhân gắn liền với sự tàn phai và có sức hủy diệt ghê gớm. Cái tiếng “trống canh dồn” kia cũng là một thứ âm thanh tâm lí, nó như “dồn” nén lòng người, nhất là lòng người phụ nữ cô đơn, niềm phẫn uất, nỗi hoang mang, lo sợ.

Cái đáng sợ nhất là cảm thức về sự trôi chảy của thời gian luôn luôn ở thế nghịch đối với niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và khổ đau của con người. khi vui sướng, hạnh phúc thì có cảm giác “ngày vui ngắn chẳng tày gang” (Nguyễn Du); khi sầu thương, đau khổ thì thời gian bò như

ốc, như sên. Trong thời gian và không gian ấy, với Hồ Xuân Hương, chỉ còn lại cái vô duyên, bẽ bàng:

Trơ/ cái hồng nhan/ với nước non.

Trong phép đảo ngữ, nữ sĩ đã đặt từ “trơ” lên đầu câu thơ gây một ấn tượng mạnh mẽ. Từ “trơ” đứng riêng ra, ăn hẳn một nhịp vừa nói được thể lẻ loi, trơ trọi lại vừa nói đến sự vô duyên (trơ ra). Từ “trơ” còn hàm chứa nhiều ngữ nghĩa hơn thế: “trơ” có nghĩa là tủi hổ: “Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ” (Nguyễn Du, Truyện Kiều); “trơ” cũng hàm ý mỉa mai cay đắng, xót xa khi đi với tổ hợp từ “cái hồng nhan”, thì ra “hồng nhan” đi với “bạc phận”, từ “hồng nhan” bị bỏ rơi, chẳng ai đoái hoài đến, đang “trơ” ra với “nước non” (không gian), với thời gian vô thủy vô chung. Càng nghĩ càng thấy phần uất, đắng đót, ngậm ngùi. Đời Hồ Xuân Hương sao chẳng thể vui với nước non, mà chỉ thấy “Bảy nổi ba chìm với nước non”, chỉ thấy “Trơ cái hồng nhan với nước non”? Nghĩa là Hồ Xuân Hương đau khổ những vẫn vững vàng bản lĩnh như “Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt” (Bà huyện Thanh Quan, Thăng Long thành hoài cổ)

2. Hai câu thực

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn

Tên của bài thơ là Tự tình cho nên câu thực đầu tiên thể hiện tình thực của Hồ Xuân Hương. Trong cô đơn giữa đêm khuya vắng lặng, người phụ nữ ấy đã phải mượn đến chén rượu giải sầu đã là chuyện đầy vui của nỗi niềm, tâm trạng. Người phụ nữ đến chén rượu đọc ẩm đêm khuya mới là việc cực chẳng đã. Uống rượu mà như uống sầu uống tủi, như nuốt thắm giọt đắng giọt cay. “Say”, có thể lãng quên giây lát nỗi sầu thương. Nhưng “say” rồi sẽ lại “tỉnh”, và lúc ấy mới thật là buồn: “Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh- Giật mình, mình lại thương mình xót xa” (Nguyễn Du, Truyện Kiều). Cụm từ “say lại tỉnh” gợi lên cái vòng luẩn quẩn, bế tắc trong tâm trạng, trong tình cảnh của Hồ Xuân Hương.

Đêm đã tàn canh. Vàng trăng lạnh đã “bóng xế” non đoài. Người còn ngồi đó trong tình trạng “say lại tỉnh”, đúng là “Trơ cái hồng nhan với nước non”. Hai câu thực đã triển khai ý chủ đạo được mở ra hai câu đề. Thực cảnh cũng là thực tình. Hình tượng “Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn” đang đồng nhất với thân phận của nữ sĩ. Hình tượng thơ hết sức gợi: tuổi xuân của người phụ nữ trôi mau như “vàng trăng bóng xế” mà nhân duyên không trọn vẹn như vàng trăng chưa bao giờ là trăng rằm tròn đầy, tỏa sáng.

3. Hai câu luận

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

Nỗi niềm phần uất dồn nén đã nhiều, không còn ở yên trong lòng được nữa, nó trào ra, thấm vào cảnh vật, tiếp cho mọi vật sức công phá. Nổi rung động trong lòng mà có sức rung như một

con động đất. Những động từ kết hợp kết hợp với những bổ ngữ rất mạnh và rất gọi(: “xiên ngang”, “đâm toạc”) mang ý nghĩa phản kháng, nó làm cho những câu thơ của Hồ Xuân Hương như nổi loạn. Nỗi buồn trong thơ Hồ Xuân Hương không làm lòng người mềm yếu, trái lại, có sức mạnh cổ vũ con người, nhất là người phụ nữ, đứng dậy ngay trong bi kịch của đời mình.

4. Hai câu kết

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con!

Giọng điệu câu thơ có ý vị của tiếng cười khẩy mỉa mai chua chát nhiều hơn là buồn tủi. Từ “xuân” trong câu thơ của Hồ Xuân Hương thật đa nghĩa. “Xuân” là mùa xuân của đất trời, mùa xuân của tuần hoàn. “Xuân” là tuổi xuân của một đời người, xuân ấy một đi không bao giờ trở lại. Nói như thi sĩ Xuân Diệu: “Nói làm chi xuân vẫn tuần hoàn- Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!” (Vội vàng). Đó là một tâm sự rất buồn, một nỗi sầu nhân thế vạn cổ, nó xuyên suốt từ thơ ca trung đại sang thơ ca hiện đại. Hai từ “lại” xếp cạnh nhau một câu thơ nhưng mang hai ý nghĩa khác nhau: từ “lại” thứ nhất mang nghĩa “thêm lần nữa”; từ “lại” tiếp theo mang ý nghĩa của “sự tuần hoàn”, “sự trở lại”. Mùa xuân của đất trời trở lại thì ngày xanh của tuổi xuân lần lượt ra đi. Cách nói giảm dần càng làm cho nghịch cảnh éo le hơn: Mảnh tình- san sẻ- tí- con con. Mảnh tình đã là bé, lại bị “san sẻ” trở nên nhỏ bé hơn, cuối cùng chỉ còn “tí con con”, thật là tội nghiệp! Người phụ nữ trong bài thơ sau những vật vã gắng gượng vươn lên, vẫn không tránh khỏi bi kịch bởi vì thời đại ấy chưa thể chỉ ra lối thoát cho họ.

Tự tình II hàm chứa ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đó là tiếng lòng đau buồn, phẫn uất trước duyên phận hẩm hiu, là gắng gượng vẫy vùng vươn lên nhưng rốt cuộc vẫn không thoát khỏi bi kịch của nữ sĩ. Bài thơ cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc mãnh liệt và tài năng độc đáo của “Bà chúa thơ Nôm” trong nghệ thuật sử dụng từ ngữ và xây dựng hình tượng.

Nguồn: Theo Kỹ năng đọc – hiểu văn bản ngữ văn 11, NXB GD

Trên đây là tổng hợp dàn ý và các bài văn mẫu với đề bài cảm nhận về bài thơ Tự tình 2 - Hồ Xuân Hương. Hi vọng các em học sinh cần tìm hiểu kỹ càng để từ đó có thể xây dựng cho mình một bài văn cảm nhận giàu cảm xúc và giàu ý nghĩa.